TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày 10 – 4 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thỏ.

2. Ông Bùi Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1980, địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Đặng Văn G, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: Số A, ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Lê Thị Út N, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: Số A, ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 27-4-2019 âm lịch (31-5-2019 dương lịch), ông Đặng Văn G vay của ông Lê Văn T số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, lãi suất thỏa thuận

3%/tháng. Khi vay ông Đặng Văn G có làm biên nhận viết tay. Đến hạn trả nợ thì ông G chưa có tiền nên xin trả lãi và đã trả lãi được các lần sau đây:

- Ngày 30-7-2019, trả lãi 18.000.000 đồng.

- Ngày 29-9-2019, trả lãi 18.000.000 đồng.

- Ngày 26-12-2019, trả lãi 9.000.000 đồng.

- Đến ngày 16-3-2022, ông G gửi trả 100.000.000 đồng và nói là trả vốn nhưng ông T không đồng ý cho trả vốn vì tại thời điểm này ông G còn nợ tiền lãi chưa đóng đủ nên chỉ chấp nhận cho ông G trả lãi 100.000.000 đồng.

Do mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên ông T yêu cầu Tòa án điều chỉnh mức lãi suất 1,66%/tháng và số tiền lãi ông G đã trả vượt quá mức lãi suất này được trừ vào vốn gốc tại thời điểm trả lãi. Yêu cầu Tòa án buộc ông G trả cho ông tổng số tiền 321.498.000 đồng, trong đó vốn gốc còn lại 283.320.101 đồng và tiền lãi 29.271.493 đồng. Đồng thời, buộc ông G tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại 283.320.101 đồng kể từ ngày 17-3-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của các bị đơn ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, các bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn G trình bày: Ông Đặng Văn G vay của ông Lê Văn T số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng theo biên nhận viết tay vào ngày 27-4-2019 âm lịch (31-5-2019 dương lịch) do ông T cung cấp là đúng. Tuy nhiên, quá trình trả lãi và phần nợ gốc còn lại như ông T trình bày thì ông không đồng ý. Vì sau khi vay tiền, ông đã trả lãi được 15 tháng theo lãi suất 3%/tháng. Đồng thời, vào ngày 16-3-2022, ông đã trả vốn gốc cho ông T được 100.000.000 đồng. Vì nghĩ quan hệ thân thuộc nên quá trình ông trả lãi và trả vốn không có giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết điều chỉnh mức lãi suất 1,66%/tháng và số tiền lãi ông đã trả vượt quá mức lãi suất này được trừ vào vốn gốc tại thời điểm trả lãi. Đồng thời, trừ 100.000.000 đồng nợ gốc ông đã trả vào ngày 16-3-2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn, đang cư trú tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản

3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Văn T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn Lê Thị Út N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn Lê Thị Út N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản chính của Giấy nhận nợ viết tay ghi ngày 27-4-2019 âm lịch (31-5-2019 dương lịch) thể hiện ông Đặng Văn G vay của ông Lê Văn T số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 3%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Văn G đã thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ khi Tòa án thụ lý đến trước phiên tòa sơ thẩm thì các bị đơn đều vắng mặt. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho các bị đơn nhưng các bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Đặng Văn G cho rằng đã trả lãi được 15 tháng với mức lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận việc trả lãi giữa ông và ông T không thể hiện bằng giấy tờ, tài liệu gì và cũng không ai biết, không có chứng cứ gì để chứng minh.

[5] Đối với lần trả tiền ngày 16-3-2022, ông G trả cho ông T được 100.000.000 đồng và yêu cầu được trừ vào nợ gốc nhưng ông T không đồng ý, chỉ chấp nhận cho trừ vào nợ lãi. HĐXX xét thấy, tính đến thời điểm trả tiền lần này, số tiền lãi trên nợ gốc ông G vẫn còn nợ ông T trên 100.000.000 đồng và ông G không chứng minh được có thỏa thuận trừ số tiền này vào nợ gốc. Ngoài ra, các bên không có thỏa thuận nào khác nên HĐXX xác định đây là số tiền ông G trả lãi cho ông T. Tổng cộng, quá trình trả lãi và số tiền lãi đã trả theo lời thừa nhận của nguyên đơn gồm 04 lần: Ngày 30-7-2019, trả lãi 18.000.000 đồng; ngày 29-9-2019, trả lãi 18.000.000 đồng; ngày 26-12-2019, trả lãi 9.000.000 đồng; ngày 16-3-2022, trả lãi 100.000.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không đề cập đến nghĩa vụ của bị đơn Lê Thị Út N, không có yêu cầu cụ thể nào đối với bà N và các bên không có thỏa thuận nào khác. Tại phiên tòa, bị đơn Đặng Văn G xác định đây là nợ riêng của ông, do ông đứng ra vay để cho một người bạn vay lại, không vì nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, HĐXX không đặt ra xem xét về nghĩa vụ của bà N. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn Đặng Văn G có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng đã xác lập là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án điều chỉnh theo mức lãi suất 1,66%/tháng (tức 20%/năm) và số tiền lãi mà ông G đã trả vượt quá mức lãi suất

này được trừ vào vốn gốc tại thời điểm trả lãi. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; hướng dẫn tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Do đó, nợ gốc được khấu trừ và nợ lãi được tính cụ thể như sau:

[9] Từ ngày 31-5-2019 đến ngày 30-7-2019, tiền lãi phải trả là (300.000.000 đồng) x (1,66%/tháng) x (01 tháng 29 ngày) = 9.794.000 đồng. Ông G đã trả 18.000.000 đồng, số tiền lãi trả dư 8.206.000 đồng được vào số nợ gốc nên nợ gốc còn lại là 291.794.000 đồng.

[10] Từ ngày 31-7-2019 đến ngày 29-9-2019, tiền lãi phải trả là (291.794.000 đồng) x (1,66%/tháng) x (01 tháng 29 ngày) = 9.526.101 đồng. Ông G đã trả 18.000.000 đồng, số tiền lãi trả dư 8.473.899 đồng được vào số nợ gốc nên nợ gốc còn lại là 283.320.101 đồng.

[11] Từ ngày 30-9-2019 đến ngày 26-12-2019, tiền lãi phải trả là (283.320.101 đồng) x (1,66%/tháng) x (02 tháng 26 ngày) = 13.482.259 đồng. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, ông Lê Văn T chỉ tính lãi tiếp theo kể từ ngày 01-10-2019, bỏ qua ngày 30-9-2019 nên xác định số tiền lãi phải trả là 13.325.484 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã phát hiện và không có thay đổi gì. Đây là sự tự định đoạt của đương sự nên HĐXX chấp nhận xác định số tiền lãi phải trả là 13.325.484 đồng. Ông G đã trả 9.000.000 đồng nên đến ngày 26-12-2019, nợ gốc vẫn còn 283.320.101 đồng và nợ lãi là 4.325.484 đồng.

[12] Từ ngày 27-12-2019 đến ngày 16-3-2022, tiền lãi phải trả là (283.320.101 đồng) x (1,66%/tháng) x (02 năm 02 tháng 17 ngày) = 124.946.053 đồng, cộng nợ lãi trước đó 4.325.484 đồng, tổng nợ lãi đến thời điểm này là 129.271.537 đồng. Ông G trả cho ông T 100.000.000 đồng. Như vậy, đến ngày 16-3-2022, nợ gốc còn 283.320.101 đồng và nợ lãi là 29.271.537 đồng.

[13] Từ ngày 17-3-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 10-4-2023, số tiền lãi phải tiếp tục trả là (283.320.101 đồng) x (1,66%/tháng) x (12 tháng 24 ngày) = 60.199.855 đồng. Tổng nợ lãi đến ngày 10-4-2023 là 89.471.392 đồng.

[14] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Đặng Văn G có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số nợ gốc (làm tròn) là 283.320.000 đồng và nợ lãi (làm tròn) là 89.471.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ phải trả là 372.791.000 đồng.

[15] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn Đặng Văn G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn T.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn G trả cho nguyên đơn ông Lê Văn T tổng số tiền còn nợ là 372.791.000 đồng (*ba trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc là 283.320.000 đồng và tiền lãi là 89.471.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đặng Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 18.639.550 đồng (mười tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Nguyên đơn ông Lê Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.037.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006376 ngày 15-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm